

BẢN VẼ HỘP HAFENTHYL 100

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang

Kích thước hộp: 60 x 30 x 90



BẢN VẼ HỘP HAFENTHYL 100

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang

Kích thước hộp: 85 x 60 x 90

90 mm

85 mm

06 x 09 x 98



10 blisters x 10 capsules

HAFENTHYL 100

Rx
Thuốc kê đơn

HAFENTHYL 100

Hoạt chất: Fenofibrat 100 mg
Trị tăng lipid máu



Hộp 10 vỉ x 10 viên nang



HAFENTHYL 100

Thành phần: Mỗi viên nang chứa:
Fenofibrat 100 mg
Tá dược và 1 viên
Chỉ định, Chống chỉ định, Liều dùng,
Cách dùng, Tương tác, Thận trọng,
Tác dụng phụ: Xin đọc hướng dẫn sử dụng

Nguồn gốc: Nội khẩu, dưới 30°C
Tiêu chuẩn cơ sở
SBK - Reg. No.:

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!



CTY TNHH HASAN - DERMAPHARM
Đường số 2 - KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam

Rx
Prescription only

HAFENTHYL 100

Active Ingredient : Fenofibrate 100 mg
Lipid-lowering drug



10 blisters x 10 capsules



HAFENTHYL 100

Composition: Each capsule contains:
Fenofibrate 100 mg
Excipients qs 1 capsule
Indications, Contraindications, Dosage and Administration, Interactions,
Side effects and other precautions: Read carefully the enclosed leaflet.
Store in a dry place, under 30°C.
Manufacturer's specification.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE DIRECTIONS BEFORE USE!



HASAN - DERMAPHARM CO., LTD.
Đồng An Industrial Park, Bình Dương Province, Vietnam

HAFENTHYL 100

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang

Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. Date:
HD - Exp. Date:



89360241394226

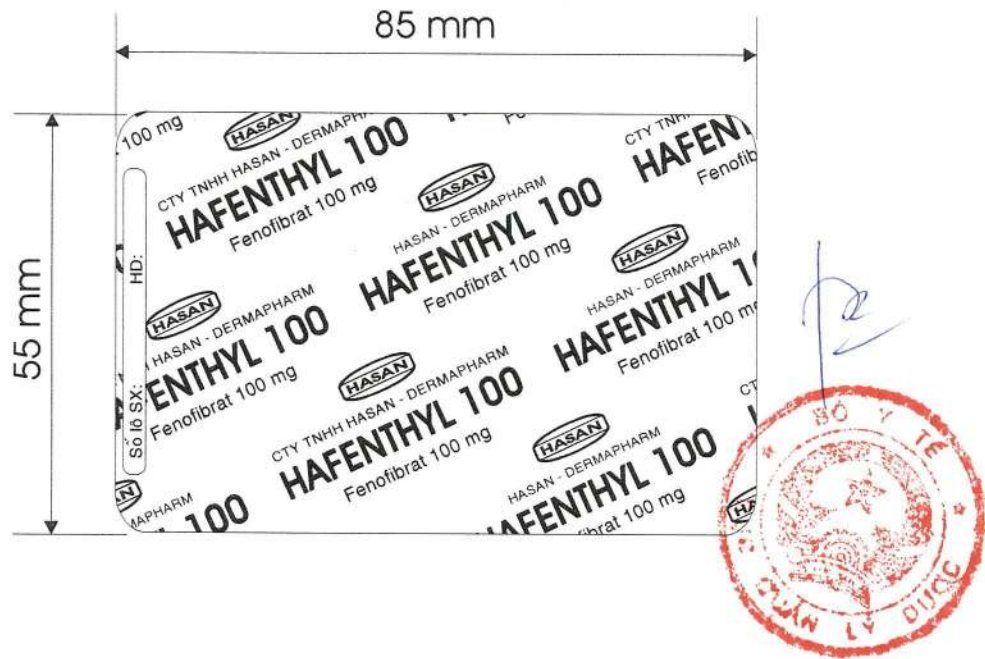
TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: *Quản Đình Trường*



Mẫu nhãn vỉ 10 viên : **HAFENTHYL 100**

Kích thước : 85 x 55 mm

Màu sắc : như mẫu



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS: *Trần Đình Hương*

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

HAFENTHYL 100

Rx Thuốc bán theo đơn

Viên nang cứng

Thành phần:

- Hoạt chất: Fenofibrat 100mg.
- Tá dược: Lactose monohydrat, Prejel PA5, Natri lauryl sulfat, Magnesi stearat.

Tính chất dược lý

Tính chất được lực học

- Fenofibrat, dẫn chất của acid fibrin, là thuốc hạ lipid máu. Thuốc ức chế sinh tổng hợp cholesterol ở gan, làm giảm các thành phần gây xơ vữa, làm tăng sản xuất lipoprotein tỷ trọng cao (HDL), và còn làm giảm triglycerid máu. Do đó, cải thiện đáng kể sự phân bố cholesterol trong huyết tương.
- Fenofibrat dùng điều trị tăng lipoprotein huyết type IIa, type IIb, type III, type IV và type V cùng với một chế độ ăn rất hạn chế về lipid. Fenofibrat có thể làm giảm 20 - 25% cholesterol toàn phần và 40 - 50% triglycerid trong máu. Điều trị bằng Fenofibrat cần phải liên tục.

Tính chất được động học

- Fenofibrat hấp thu ngay ở đường tiêu hóa cùng với thức ăn. Hấp thu thuốc bị giảm nhiều nếu uống thuốc sau khi nhịn ăn qua đêm. Thuốc thủy phân thành acid fenofibric có hoạt tính: chất này gắn nhiều vào albumin huyết tương và có thể đẩy các thuốc kháng vitamin K ra khỏi vị trí gắn.
- Nồng độ đỉnh trong huyết tương xuất hiện khoảng 5 giờ sau khi uống thuốc. Nửa đời trong huyết tương khoảng 20 giờ ở người có chức năng thận bình thường, nhưng thời gian này tăng lên rất nhiều ở người mắc bệnh thận và acid fenofibric tích lũy đáng kể ở người suy thận uống Fenofibrat hằng ngày.
- Acid fenofibric đào thải chủ yếu theo nước tiểu (70% trong vòng 24 giờ, 88% trong vòng 6 ngày), chủ yếu dưới dạng liên hợp glucuronic, ngoài ra còn có acid fenofibric dưới dạng khử và chất liên hợp glucuronic của nó. Không xảy ra điều gì nghiêm trọng khi ngừng dùng fibrat, ngay cả khi đã điều trị lâu ngày và cắt thuốc đột ngột.

Chỉ định:

- Điều trị rối loạn lipoprotein huyết các type IIa, IIb, III, IV và V, phối hợp với chế độ ăn.

Liều lượng và cách dùng

- Điều trị Fenofibrat nhất thiết phải phối hợp với chế độ ăn hạn chế lipid, phải uống thuốc cùng bữa ăn.
- Người lớn: Liều thông thường 300 mg/ngày, uống trong bữa ăn chính hoặc 1 viên x 3 lần/ngày cùng với các bữa ăn. Liều ban đầu thường là 200 mg/ngày (uống 1 lần hoặc chia làm 2 lần).
- Trẻ em > 10 tuổi: Liều tối đa là 5 mg/kg/ngày.

Chống chỉ định

- Quá mẫn với Fenofibrat hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc. Suy thận nặng. Rối loạn chức năng gan nặng.
- Trẻ em dưới 10 tuổi.

Thận trọng

- Nhất thiết phải thăm dò chức năng gan và thận của người bệnh trước khi bắt đầu dùng Fenofibrat.
- Nếu bắt đầu dùng Fenofibrat ở người uống thuốc chống đông cần giảm liều thuốc chống đông cho phù hợp và phải theo dõi thường xuyên nồng độ prothrombin máu.
- Cần đo transaminase 3 tháng một lần, trong 12 tháng đầu dùng thuốc.
- Không kết hợp Fenofibrat với các thuốc có tác dụng độc đối với gan.
- Biểu chứng mật có thể xảy ra ở người có bệnh xơ gan ứ mật hay sỏi mật.
- Nếu sau 3 - 6 tháng điều trị mà lipid máu không giảm phải xem xét phương pháp điều trị bổ sung hay thay thế phương pháp điều trị khác.

Tác dụng phụ

- Hiếm và nhẹ: rối loạn tiêu hóa, buồn nôn, nổi ban-mày đay, tăng transaminase huyết thanh, đau cơ, sỏi mật ...

Tương tác với các thuốc khác và các dạng tương tác khác

- Kết hợp Fenofibrat với nhóm statin làm tăng đáng kể nguy cơ tổn thương cơ và viêm tụy cấp.
- Kết hợp Fenofibrat với cyclosporin làm tăng nguy cơ tổn thương cơ.
- Fenofibrat làm tăng tác dụng của các thuốc chống đông dạng uống nên làm tăng nguy cơ gây xuất huyết.
- Không kết hợp Fenofibrat với các thuốc gây độc cho gan như: thuốc ức chế MAO, perhexilin maleat ...

Phụ nữ có thai và cho con bú

- Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Lái xe và vận hành máy móc

- Fenofibrat không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Quá liều và cách xử trí

- Thăm tách máu không có tác dụng loại bỏ thuốc khỏi cơ thể.

Trình bày: Hộp 03 vỉ x vỉ 10 viên nang.
Hộp 10 vỉ x vỉ 10 viên nang.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cơ sở.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Lưu ý:

Không dùng thuốc quá liều chỉ định

Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.



CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM

Đường số 2 - Khu công nghiệp Đồng An,
Bình Dương, Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: Trần Đình Hưởng

Để thuốc xa tầm tay của trẻ em